



Công ty Cổ phần VNG

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022



Công ty Cổ phần VNG

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11 - 52

Công ty Cổ phần VNG

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần VNG ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103002645 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 9 tháng 9 năm 2004 và các lần đăng ký thay đổi sau đó.

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty có mười (10) công ty con trực tiếp, mười ba (13) công ty con gián tiếp, bốn (4) công ty liên kết trực tiếp và ba (3) công ty liên kết gián tiếp.

Hoạt động chính được đăng ký theo các GCNĐKKD của Công ty bao gồm:

- ▶ nghiên cứu và phát triển phần mềm;
- ▶ điều hành và phân phối các trò chơi trực tuyến;
- ▶ quảng cáo trực tuyến;
- ▶ thương mại điện tử;
- ▶ sản xuất linh kiện, máy vi tính, thiết bị ngoại vi, thiết bị viễn thông và đồ gia dụng;
- ▶ bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông, thiết bị nghe nhìn, đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác;
- ▶ cung cấp dịch vụ thu hộ cước phí và dịch vụ giá trị gia tăng: dịch vụ truy cập dữ liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ xử lý dữ liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ xây dựng, lưu trữ và khai thác cơ sở dữ liệu; và
- ▶ dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng viễn thông và internet: dịch vụ truy cập dữ liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ xử lý số liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ trao đổi dữ liệu điện tử, và các dịch vụ khác chưa phân loại: dịch vụ thông tin qua điện thoại, hoạt động ghi âm (trừ karaoke), hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi, buôn bán thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông, tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính.

Công ty được chấp thuận việc đăng ký công ty đại chúng theo Công văn số 80/CQĐD-NV do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("SSC") ban hành ngày 29 tháng 1 năm 2011.

Theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán ban hành bởi Bộ Tài chính vào ngày 16 tháng 11 năm 2020, Công ty được phân loại là công ty đại chúng quy mô lớn.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số Z06, Đường 13, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty Cổ phần VNG

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Hồng Minh	Chủ tịch
Ông Vương Quang Khải	Thành viên
Ông Bryan Fredric Pelz	Thành viên
Ông Vũ Việt Sơn	Thành viên
Bà Jung Won Byun	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Phương Thùy	Thành viên
Bà Nguyễn Vũ Ngọc Hân	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Hồng Minh	Tổng Giám đốc
Ông Vương Quang Khải	Phó Tổng Giám đốc Thường trực
Ông Nguyễn Lê Thành	Phó Tổng Giám đốc Công nghệ Thông tin
Ông Wong Kelly Yin Hon	Phó Tổng Giám đốc Khối Trò chơi Trực tuyến
Ông Mathur Abhishek	Phó Tổng Giám đốc Nhân sự
Ông Tan Wei Ming	Phó Tổng Giám đốc Tài chính

bổ nhiệm ngày 22 tháng 2 năm 2022

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lê Hồng Minh.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần VNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần VNG ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong các thuyết minh của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 đề ngày 29 tháng 8 năm 2022.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Lê Hồng Minh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2022

Số tham chiếu: 60752665/66784404-LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần VNG

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần VNG ("Công ty") được lập ngày 29 tháng 8 năm 2022 và được trình bày từ trang 6 đến trang 52, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Nguyễn Quốc Hoàng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN Kiểm toán
Số: 2787-2022-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.221.235.656.827	2.584.429.408.054
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	116.495.776.089	614.735.282.090
111	1. Tiền		16.695.776.089	22.370.282.090
112	2. Các khoản tương đương tiền		99.800.000.000	592.365.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		59.417.980.822	330.847.980.822
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	59.417.980.822	330.847.980.822
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		913.777.939.691	1.505.586.112.764
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	465.638.888.270	601.803.939.395
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	22.078.189.110	10.479.266.158
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	428.888.579.945	894.677.748.441
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.1	(2.827.717.634)	(1.374.841.230)
140	IV. Hàng tồn kho		5.794.455.724	10.735.310.668
141	1. Hàng tồn kho	8	7.025.049.085	12.119.494.921
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	8	(1.230.593.361)	(1.384.184.253)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		125.749.504.501	122.524.721.710
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	110.212.078.089	106.987.295.298
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	15.537.426.412	15.537.426.412
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		3.154.909.205.335	1.977.210.912.633
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		4.470.390.487	6.626.036.810
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	4.470.390.487	6.626.036.810
220	II. Tài sản cố định		760.804.210.442	740.445.598.411
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	642.397.159.949	652.383.542.000
222	Nguyên giá		921.470.648.095	897.805.230.854
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(279.073.488.146)	(245.421.688.854)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	118.407.050.493	88.062.056.411
228	Nguyên giá		677.239.441.508	618.816.508.738
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(558.832.391.015)	(530.754.452.327)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		24.820.529.942	39.472.140.942
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	24.820.529.942	39.472.140.942
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	13	2.191.563.199.904	1.012.887.103.646
251	1. Đầu tư vào công ty con		3.030.159.373.816	2.334.758.373.816
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		1.297.602.462.685	218.935.000.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(2.136.198.636.597)	(1.540.806.270.170)
260	V. Tài sản dài hạn khác		173.250.874.560	177.780.032.824
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	173.250.874.560	168.082.981.800
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	27.3	-	9.697.051.024
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		4.376.144.862.162	4.561.640.320.687

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		2.025.138.136.265	1.706.201.103.853
310	I. Nợ ngắn hạn		2.011.733.041.263	1.693.641.144.681
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	1.051.195.313.456	1.025.124.587.388
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		2.984.903.554	3.353.206.575
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	38.248.862.018	41.973.578.642
314	4. Phải trả người lao động		3.267.144	64.060.806
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	846.394.116.316	526.551.557.847
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	17	19.465.217.687	21.510.651.832
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	53.441.361.088	75.063.501.591
330	II. Nợ dài hạn		13.405.095.002	12.559.959.172
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	598.417.674	583.377.674
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn	19	12.806.677.328	11.976.581.498
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	20	2.351.006.725.897	2.855.439.216.834
410	I. Vốn chủ sở hữu		2.351.006.725.897	2.855.439.216.834
411	1. Vốn cổ phần		358.442.620.000	358.442.620.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.133.299.050.771	1.133.299.050.771
415	3. Cổ phiếu quỹ		(1.264.419.931.578)	(1.264.419.931.578)
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		2.123.684.986.704	2.628.117.477.641
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		2.628.117.477.641	3.344.247.602.449
421b	- Lỗi kỳ này		(504.432.490.937)	(716.130.124.808)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		4.376.144.862.162	4.561.640.320.687

Hoàng Thị Huệ
Người lập

Lê Trung Tín
Kế toán trưởng




Lê Hồng Minh
Tổng Giám đốc


Ngày 29 tháng 8 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	2.339.342.311.928	2.473.683.242.295
10	2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	2.339.342.311.928	2.473.683.242.295
11	3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	22	(1.349.953.203.264)	(1.299.573.195.397)
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		989.389.108.664	1.174.110.046.898
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	160.617.692.725	21.656.007.128
22	6. Chi phí tài chính	23	(600.624.804.559)	(328.515.315.568)
25	7. Chi phí bán hàng	24	(594.910.157.172)	(439.566.527.354)
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(447.392.309.964)	(326.753.832.186)
30	9. (Lỗ) lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(492.920.470.306)	100.930.378.918
31	10. Thu nhập khác	25	2.420.789.614	2.052.631.778
32	11. Chi phí khác	25	(4.235.759.221)	(7.141.940.538)
40	12. Lỗ khác	25	(1.814.969.607)	(5.089.308.760)
50	13. Tổng (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế		(494.735.439.913)	95.841.070.158
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	-	(11.661.184.793)
52	15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	27.3	(9.697.051.024)	(8.455.040.000)
60	16. (Lỗ) lợi nhuận sau thuế TNDN		(504.432.490.937)	75.724.845.365


Hoàng Thị Huệ
Người lập


Lê Trung Tín
Kế toán trưởng



Lê Hồng Minh
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022


VND


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Tổng (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế		(494.735.439.913)	95.841.070.158
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	10, 11	73.687.706.685	88.530.133.258
03	Các khoản dự phòng		601.996.130.085	328.329.846.623
04	Lỗ (lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		318.962.879	(20.168.900)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(153.209.293.085)	(16.925.444.236)
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		28.058.066.651	495.755.436.903
09	Giảm các khoản phải thu		613.237.557.015	30.810.375.743
10	Giảm hàng tồn kho		5.094.445.836	3.740.999.853
11	Tăng các khoản phải trả		310.738.201.712	288.905.226.151
12	Tăng chi phí trả trước		(8.392.675.551)	(351.715.348)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		948.735.595.663	818.860.323.302
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(101.656.330.354)	(48.024.148.693)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		658.225.827	-
23	Tiền chi thuần gửi kỳ hạn ngân hàng		-	(164.492.000.000)
24	Thu thuần tiền gửi kỳ hạn ngân hàng		271.430.000.000	-
25	Tiền chi đầu tư vào công ty con và công ty liên kết		(1.775.671.217.878)	(571.772.000.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	50.235.000.000
27	Tiền lãi và lợi nhuận đã nhận		154.309.943.620	24.790.703.940
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(1.450.929.378.785)	(709.262.444.753)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		4.273.240.000	4.116.480.000
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		4.273.240.000	4.116.480.000

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		(497.920.543.122)	113.714.358.549
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		614.735.282.090	614.497.644.197
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(318.962.879)	20.168.900
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	116.495.776.089	728.232.171.646


Hoàng Thị Huệ
Người lập


Lê Trung Tín
Kế toán trưởng



Lê Hồng Minh
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần VNG ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103002645 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 9 tháng 9 năm 2004 và các lần đăng ký thay đổi sau đó.

Hoạt động chính được đăng ký theo các GCNĐKKD của Công ty bao gồm:

- ▶ nghiên cứu và phát triển phần mềm;
- ▶ điều hành và phân phối các trò chơi trực tuyến;
- ▶ quảng cáo trực tuyến;
- ▶ thương mại điện tử;
- ▶ sản xuất linh kiện, máy vi tính, thiết bị ngoại vi, thiết bị viễn thông và đồ gia dụng;
- ▶ bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông, thiết bị nghe nhìn, đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác;
- ▶ cung cấp dịch vụ thu hộ cước phí, dịch vụ giá trị gia tăng: dịch vụ truy cập dữ liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ xử lý dữ liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ xây dựng, lưu trữ và khai thác cơ sở dữ liệu; và
- ▶ dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng viễn thông và internet: dịch vụ truy cập dữ liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ xử lý số liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ trao đổi dữ liệu điện tử, và các dịch vụ khác chưa phân loại: dịch vụ thông tin qua điện thoại, hoạt động ghi âm (trừ karaoke), hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi, buôn bán thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông, tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính.

Công ty được chấp thuận việc đăng ký công ty đại chúng theo Công văn số 80/CQĐD-NV do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("SSC") ban hành ngày 29 tháng 1 năm 2011.

Theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán ban hành bởi Bộ Tài chính vào ngày 16 tháng 11 năm 2020, Công ty được phân loại là công ty đại chúng quy mô lớn.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số Z06, Đường 13, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 là 2.018 người (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 1.886 người).

Công ty Cổ phần VNG

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty có mười (10) công ty con trực tiếp và mười ba (13) công ty con gián tiếp với chi tiết như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích của Công ty (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty (%)	Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh chính	Tình trạng
I.	Công ty con trực tiếp					
1.	Công ty Cổ phần Dịch vụ - Dữ liệu Công nghệ Thông tin Vi Na ("VinaData")	99,94 %	99,94 %	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ về công nghệ thông tin	Đang hoạt động
2.	Công ty Cổ phần Công nghệ EPI ("EPI")	100,00%	100,00%	Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Dịch vụ quảng cáo trực tuyến, thiết kế trang mạng, phần mềm và các công nghệ truyền thông	Đang hoạt động
3.	Công ty TNHH VNG Online ("VNG Online")	100,00%	100,00%	Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin và sản xuất phần mềm các loại	Đang hoạt động
4.	Công ty Cổ phần Dịch vụ mạng Vi Na ("Vinanet")	99,50%	99,50%	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ giá trị gia tăng trên di động và mạng viễn thông	Đang hoạt động
5.	Công ty TNHH Phát triển Phần mềm VNG ("VNGS")	100,00 %	100,00 %	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất và phát triển phần mềm các loại	Đang hoạt động
6.	Công ty TNHH Giải trí Long Đĩnh ("Long Đĩnh")	100,00 %	100,00 %	Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến	Đang hoạt động
7.	Công ty Cổ phần Zion ("Zion")	65,67%	65,67%	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ trung gian thanh toán	Đang hoạt động
8.	Công ty TNHH ZingPlay Việt Nam ("ZPS")	100,00 %	100,00 %	Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	Vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến	Đang hoạt động
9.	Công ty Cổ phần A4B ("A4B") (*)	69,80%	69,80%	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Lập trình máy vi tính	Trước hoạt động
10.	Quý Từ thiện Công đồng Người Sử dụng Internet Việt Nam ("VNIF")	100,00%	100,00%	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Tổ chức phi lợi nhuận	Đang hoạt động

Công ty Cổ phần VNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty có mười (10) công ty con trực tiếp và mười ba (13) công ty con gián tiếp với chi tiết như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích của Công ty (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty (%)	Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh chính	Tình trạng
II.	Công ty con gián tiếp					
1.	Công ty TNHH Truyền thông Minh Phương Thịnh ("Minh Phương Thịnh")	100,00%	100,00%	Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	Vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến	Đang hoạt động
2.	Công ty TNHH VNG Data Center ("VNG DC") (*)	99,94%	100,00%	Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam	Cung cấp dịch vụ về công nghệ thông tin	Trước hoạt động
3.	VNG Singapore Pte. Ltd. ("VNG Singapore")	99,94%	100,00%	Singapore	Phát triển và phân phối phần mềm, thiết bị và linh kiện máy tính; cung cấp dịch vụ liên quan đến phần mềm và hậu mãi	Đang hoạt động
4.	VNG Myanmar Company Limited ("VNG Myanmar")	99,94%	100,00%	Thành phố Yangon, Myanmar	Vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến	Đang hoạt động
5.	MLT Hong Kong Limited ("MLT HK") (*)	100,00%	100,00%	Hong Kong	Vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến	Trước hoạt động
6.	VNG Games Co., Ltd ("VNG Games")	99,94%	100,00%	Thành phố Bangkok, Thái Lan	Phát triển và cập nhật game online và game trên điện thoại	Đang hoạt động
7.	Công ty Cổ phần XFM ("XFM")	99,93%	99,93%	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Ghi âm và xuất bản âm nhạc	Đang hoạt động
8.	ZingPlay International Pte. Ltd. ("ZPI")	99,94%	100,00%	Singapore	Phát triển và phân phối phần mềm, thiết bị và linh kiện máy tính	Đang hoạt động
9.	Công ty TNHH Thương mại Dịch Vụ Truyền Thông Thanh Sơn ("Thanh Sơn")	65,67%	100,00%	Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Kinh doanh thẻ trò chơi và thẻ viễn thông	Đang hoạt động

Công ty Cổ phần VNG

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty có mười (10) công ty con trực tiếp và mười ba (13) công ty con gián tiếp với chi tiết như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích của Công ty (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty (%)	Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh chính	Tình trạng
II. Công ty con gián tiếp (tiếp theo)						
10.	Công ty Cổ phần Adtima ("Adtima")	99,999%	99,999%	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ quảng cáo trực tuyến	Đang hoạt động
11.	Công ty Cổ phần Fiza ("Fiza")	99,997%	99,999%	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ quảng cáo trực tuyến	Đang hoạt động
12.	Cloudverse Pte. Ltd ("Cloudverse")	79,95%	80,00%	Singapore	Tư vấn công nghệ thông tin và dịch vụ lưu trữ	Đang hoạt động
13.	Công ty Cổ phần Mixus ("Mixus") (*)	99,93%	99,93%	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc	Trước hoạt động

(*) Các công ty trên đang ở giai đoạn trước hoạt động, nghĩa là đang trong giai đoạn đầu tư và chưa bắt đầu hoạt động kinh doanh vào ngày 30 tháng 6 năm 2022.

Công ty Cổ phần VNG

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty có bốn (4) công ty liên kết trực tiếp và ba (3) công ty liên kết gián tiếp với chi tiết như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích của Công ty (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty (%)	Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh chính
III. Công ty liên kết trực tiếp					
1.	Công ty Cổ phần DayOne ("Day One")	27,27%	27,27%	Tp. Hà Nội, Việt Nam	Thương mại điện tử
2.	Công ty Cổ phần Công nghệ Ecotruck ("Ecotruck")	25,00%	25,00%	Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất phần mềm và hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải
3.	Nhóm công ty Funding Asia Group Pte. Ltd ("Funding Asia")	5,11%	5,11%	Singapore	Kinh doanh vận hành và quản lý nền tảng cho vay trực tuyến
4.	Telio Pte. Ltd ("Telio")	16,70%	16,70%	Singapore	Công ty đầu tư
IV. Công ty liên kết gián tiếp					
1.	Tiki Global Pte. Ltd ("Tiki Global")	14,63%	14,64%	Singapore	Công ty đầu tư
2.	Beijing Youtu Interactive Co., Ltd ("Beijing Youtu")	13,99%	14,00%	Tp. Beijing, Trung Quốc	Phân phối bản quyền trò chơi điện tử
3.	Rocketeer Holding Limited ("Rocketeer")	11,24%	11,24%	Đảo Cayman	Công ty đầu tư

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 13.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 đề ngày 29 tháng 8 năm 2022.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán công cụ, dụng cụ, hàng khuyến mãi, thẻ trò chơi trả trước và hàng hóa với giá trị được xác định bằng chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với công cụ, dụng cụ, hàng khuyến mãi, thẻ trò chơi trả trước và hàng hóa thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.4 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất ký với Khu Chế Xuất Tân Thuận Đông số 258/TTC-NV.13 vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 trong thời hạn 28 năm và số 078/TTC-NV.16 vào ngày 27 tháng 4 năm 2016 trong thời hạn 25 năm. Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013, hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí dự án hay chi phí hoạt động trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	21 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn	3 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Tài sản khác	2 - 5 năm

Trường hợp các phần của một tài sản cố định hữu hình có thời hạn hữu dụng khác nhau, chi phí của phần đó được phân bổ hợp lý giữa các phần và được trích khấu hao riêng.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Phần mềm

Phần mềm được ghi nhận theo giá gốc và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian ngắn hơn giữa thời gian sử dụng hữu ích ước tính và thời gian mua phần mềm.

Chi phí nghiên cứu và triển khai

Toàn bộ chi phí nghiên cứu được ghi nhận vào chi phí phát sinh trong kỳ. Chi phí triển khai cho từng dự án chỉ được ghi nhận là tài sản cố định vô hình nếu Công ty đồng thời thỏa mãn được các điều kiện sau:

- ▶ Tính khả thi về mặt kỹ thuật đảm bảo cho việc hoàn thành và đưa tài sản cố định vô hình vào sử dụng hoặc để bán;
- ▶ Công ty dự định hoàn thành tài sản cố định vô hình để sử dụng hoặc để bán;
- ▶ Công ty có khả năng sử dụng hoặc bán tài sản cố định vô hình đó;
- ▶ Tài sản cố định vô hình đó phải tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai;
- ▶ Công ty có đầy đủ các nguồn lực để hoàn tất các giai đoạn triển khai, bán hoặc sử dụng tài sản cố định vô hình đó; và
- ▶ Có khả năng xác định một cách chắc chắn toàn bộ chi phí trong giai đoạn triển khai để tạo ra tài sản cố định vô hình đó.

Chi phí triển khai đã được vốn hóa được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi hao mòn lũy kế. Hao mòn chi phí triển khai được bắt đầu khi quá trình phát triển đã được hoàn thành và tài sản cố định vô hình đã sẵn sàng để sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

Chi phí phát triển phần mềm trên trang mạng và phần mềm sử dụng nội bộ

Công ty ghi nhận tất cả chi phí phát triển phần mềm trên trang mạng và phần mềm sử dụng nội bộ phát sinh liên quan đến giai đoạn hoạch định và chi phí phát sinh liên quan đến việc sửa chữa hoặc bảo trì các trang mạng và phần mềm hiện hành vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Chi phí phát sinh trong giai đoạn phát triển đáp ứng các tiêu chuẩn vốn hóa chi phí phát triển thì được vốn hóa và phân bổ trong thời gian sử dụng ước tính.

3.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc bao gồm:

Trò chơi và phần mềm dở dang

Trò chơi và phần mềm dở dang thể hiện chi phí đã phát sinh liên quan đến việc phát triển trò chơi và phần mềm dở dang chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản dở dang

Tài sản dở dang thể hiện chi phí đã phát sinh liên quan đến việc mua sắm tài sản và xây dựng dở dang chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Chi phí này bao gồm chi phí xây dựng, lắp đặt thiết bị và các chi phí phát sinh trực tiếp khác cho đến khi tài sản được hoàn thành và đưa vào sử dụng.

Công ty không trích khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang cho đến khi tài sản sẵn sàng để đưa vào sử dụng.

3.8 Thuê tài sản

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.10 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày lập bảng cân đối kế toán riêng theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 46 của Bộ luật Lao động.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí phải trả

Các khoản phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại Hội đồng Cổ đông phê duyệt trong kỳ họp Đại Hội đồng Cổ đông thường niên.

3.14 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Nghiệp vụ chi trả bằng cổ phiếu

Ban Tổng Giám đốc đã quyết định không hạch toán nghiệp vụ chi trả bằng cổ phiếu trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho đến khi quyền mua được thực hiện mà chỉ trình bày các thông tin liên quan đến các nghiệp vụ này tại Thuyết minh số 28 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, do chưa có hướng dẫn cụ thể về cách hạch toán các nghiệp vụ chi trả bằng cổ phiếu theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu trò chơi trực tuyến

Doanh thu được ghi nhận khi thẻ và/ hoặc mã số thẻ trò chơi trực tuyến hoặc tin nhắn được bán cho người sử dụng theo như quy định của Công văn số 7932/BTC-CĐKT ngày 27 tháng 6 năm 2006 do Bộ Tài chính ban hành.

Doanh thu trò chơi trực tuyến bao gồm khoản chiết khấu trên mệnh giá của thẻ. Công ty ghi nhận doanh thu trên cơ sở thuần sau khi trừ các khoản chiết khấu cho các nhà phân phối.

Doanh thu dịch vụ quảng cáo trực tuyến

Doanh thu dịch vụ quảng cáo trực tuyến bao gồm doanh thu từ việc quảng cáo trên trang chủ của Công ty, trên trang chủ của các trò chơi trực tuyến dưới hình thức băng rôn, các địa chỉ kết nối và biểu tượng, v.v và được ghi nhận dựa trên thời gian thực tế mà các quảng cáo này xuất hiện trên trang mạng tương ứng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận khi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.17 Giá vốn dịch vụ cung cấp

Giá vốn dịch vụ cung cấp chủ yếu bao gồm chi phí mua phần mềm ban đầu, phí phần mềm theo doanh thu, chi phí triển khai và điều hành trò chơi, các chi phí liên quan đến trung tâm dữ liệu và các chi phí chung trực tiếp khác liên quan đến việc cung cấp dịch vụ.

3.18 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành (tiếp theo)

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ trên cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm trong tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

3.20 Đại dịch Covid-19

Đại dịch Covid-19 đang dẫn đến sự suy thoái kinh tế và ảnh hưởng tiêu cực đến hầu hết các doanh nghiệp và ngành nghề. Tình hình này dẫn đến các yếu tố không chắc chắn và có thể tác động đến môi trường mà Công ty đang hoạt động. Ban Tổng Giám đốc Công ty vẫn đang tiếp tục theo dõi các diễn biến của tình hình, cũng như đánh giá các ảnh hưởng tài chính liên quan đến việc đánh giá tài sản, các khoản dự phòng và công nợ tiềm tàng, và đồng thời sử dụng các ước tính và xét đoán đối với các vấn đề khác nhau, dựa trên các thông tin tin cậy nhất có được đến ngày của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Tiền mặt	141.546.955	273.732.891
Tiền gửi ngân hàng	16.554.229.134	22.096.549.199
Các khoản tương đương tiền (*)	99.800.000.000	592.365.000.000
TỔNG CỘNG	<u>116.495.776.089</u>	<u>614.735.282.090</u>

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại, có kỳ hạn gốc không quá ba (3) tháng và được hưởng lãi suất dao động từ 0,2% đến 3,6%/năm.

5. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn còn lại dưới một (1) năm và được hưởng lãi suất dao động từ 1,1% đến 5,2%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Phải thu khách hàng	168.448.379.434	268.946.560.482
Công ty Truyền thông Viettel	44.343.854.369	42.746.916.793
Trung tâm Dịch vụ Số Mobifone – Chi nhánh		
Tổng Công ty Viễn thông Mobifone	19.553.244.401	19.199.525.728
Công ty TNHH Truyền thông WPP	11.193.483.557	36.680.163.325
Phải thu khách hàng khác	93.357.797.107	170.319.954.636
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 28)	297.190.508.836	332.857.378.913
TỔNG CỘNG	465.638.888.270	601.803.939.395
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(2.827.717.634)	(1.374.841.230)
GIÁ TRỊ THUẦN	462.811.170.636	600.429.098.165

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Số đầu kỳ	1.374.841.230	1.024.149.286
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	1.452.876.404	-
Số cuối kỳ	2.827.717.634	1.024.149.286

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Trả trước cho người bán	21.861.319.110	10.479.266.158
Công ty TNHH Vi tính Nguyễn Kim	1.913.285.219	-
Công ty TNHH Giải trí DV	-	2.940.300.000
Công ty TNHH MTV Sự kiện Sunrise Việt Nam	-	2.656.500.000
Trả trước cho người bán khác	19.948.033.891	4.882.466.158
Trả trước cho các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	216.870.000	-
TỔNG CỘNG	22.078.189.110	10.479.266.158

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Ngắn hạn	428.888.579.945	894.677.748.441
Phải thu từ Hợp đồng Hợp tác đầu tư (*)	335.358.477.000	-
Phải thu từ thanh lý hợp đồng	61.149.937.500	-
Tạm ứng cho nhân viên	17.342.404.016	10.584.516.839
Đặt cọc	4.026.780.940	510.622.094.000
Chi hộ	3.221.271.130	24.246.014.350
Tiền lãi phải thu	1.847.707.799	12.727.390.300
Đặt cọc mua lại cổ phiếu đã phát hành	-	335.358.059.500
Khác	5.942.001.560	1.139.673.452
Dài hạn – Đặt cọc cho các hoạt động kinh doanh	4.470.390.487	6.626.036.810
TỔNG CỘNG	433.358.970.432	901.303.785.251
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu các bên khác</i>	431.821.773.182	878.587.770.901
<i>Phải thu khác bên liên quan (Thuyết minh số 28)</i>	1.537.197.250	22.716.014.350

(*) Đây là khoản phải thu thuần từ việc hợp tác đầu tư với một đối tác chiến lược theo Hợp đồng Hợp tác Đầu tư số 0707/2021/HĐĐTCK/SUNWAY-VNG ngày 7 tháng 7 năm 2021, nhằm mục đích đầu tư vào các cổ phiếu chưa niêm yết, tìm kiếm lợi nhuận trong thời hạn 1 năm kể từ ngày đầu tư.

8. HÀNG TỒN KHO

	VND			
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022		Ngày 31 tháng 12 năm 2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	4.805.759.000	-	8.185.181.547	-
Hàng khuyến mãi	2.219.290.085	(1.230.593.361)	3.934.313.374	(1.384.184.253)
TỔNG CỘNG	7.025.049.085	(1.230.593.361)	12.119.494.921	(1.384.184.253)

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Số đầu kỳ	1.384.184.253	3.101.766.835
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	-	99.833.895
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(153.590.892)	-
Số cuối kỳ	<u>1.230.593.361</u>	<u>3.201.600.730</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Ngắn hạn	110.212.078.089	106.987.295.298
Chi phí dịch vụ trả trước	67.431.623.585	33.453.581.504
Phí bản quyền phần mềm	40.899.708.991	70.003.554.603
Phí bản quyền âm nhạc	1.244.848.339	1.787.972.410
Khác	635.897.174	1.742.186.781
Dài hạn	173.250.874.560	168.082.981.800
Tiền thuê đất trả trước	84.250.037.536	86.539.028.346
Công cụ, dụng cụ	36.235.043.918	34.821.983.881
Phí bản quyền âm nhạc	28.936.125.680	23.720.995.824
Chi phí sửa chữa văn phòng	21.870.867.058	20.190.260.966
Khác	1.958.800.368	2.810.712.783
TỔNG CỘNG	<u>283.462.952.649</u>	<u>275.070.277.098</u>

Công ty Cổ phần VNG

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	657.061.467.139	35.744.804.806	25.556.592.728	123.257.258.672	56.185.107.509	897.805.230.854
Mua trong kỳ	-	-	11.922.239.738	18.715.484.546	30.000.000	30.667.724.284
Thanh lý	-	-	(1.156.357.092)	(5.685.804.496)	(160.145.455)	(7.002.307.043)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	657.061.467.139	35.744.804.806	36.322.475.374	136.286.938.722	56.054.962.054	921.470.648.095
Trong đó:						
Chưa sử dụng	-	-	-	2.215.331.590	-	2.215.331.590
Đã khấu hao hết	-	35.354.248.325	10.021.689.364	44.216.577.888	10.086.790.385	99.679.305.962
Giá trị khấu hao lũy kế						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	(70.463.734.632)	(35.636.376.335)	(14.550.581.038)	(83.203.903.100)	(41.567.093.749)	(245.421.688.854)
Khấu hao trong kỳ	(15.515.737.187)	(64.557.735)	(3.637.016.666)	(13.463.474.511)	(7.817.199.067)	(40.497.985.166)
Thanh lý	-	-	1.156.357.092	5.529.683.327	160.145.455	6.846.185.874
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	(85.979.471.819)	(35.700.934.070)	(17.031.240.612)	(91.137.694.284)	(49.224.147.361)	(279.073.488.146)
Giá trị còn lại						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	586.597.732.507	108.428.471	11.006.011.690	40.053.355.572	14.618.013.760	652.383.542.000
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	571.081.995.320	43.870.736	19.291.234.762	45.149.244.438	6.830.814.693	642.397.159.949

Công ty Cổ phần VNG

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

	Phần mềm	Tài sản vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá			VND
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	616.479.386.874	2.337.121.864	618.816.508.738
Mua trong kỳ	57.391.076.770	2.540.000.000	59.931.076.770
Đầu tư XD/CB hoàn thành	7.837.856.000	-	7.837.856.000
Xóa sổ	(9.346.000.000)	-	(9.346.000.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	672.362.319.644	4.877.121.864	677.239.441.508
Trong đó:			
Đã hao mòn hết	462.250.939.897	2.337.121.864	464.588.061.761
Giá trị hao mòn lũy kế			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	(528.417.330.463)	(2.337.121.864)	(530.754.452.327)
Hao mòn trong kỳ	(32.919.803.710)	(269.917.809)	(33.189.721.519)
Xóa sổ	9.346.000.000	-	9.346.000.000
Khác	(4.234.217.169)	-	(4.234.217.169)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	(556.225.351.342)	(2.607.039.673)	(558.832.391.015)
Giá trị còn lại			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	88.062.056.411	-	88.062.056.411
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	116.136.968.302	2.270.082.191	118.407.050.493



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Phần mềm đang hoàn thiện	23.533.120.000	38.184.731.000
Khác	1.287.409.942	1.287.409.942
TỔNG CỘNG	<u>24.820.529.942</u>	<u>39.472.140.942</u>

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 13.1)	3.030.159.373.816	2.334.758.373.816
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 13.2)	1.297.602.462.685	218.935.000.000
TỔNG CỘNG	<u>4.327.761.836.501</u>	<u>2.553.693.373.816</u>
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (Thuyết minh số 13.3)	<u>(2.136.198.636.597)</u>	<u>(1.540.806.270.170)</u>
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>2.191.563.199.904</u>	<u>1.012.887.103.646</u>

Công ty Cổ phần VNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.1 Đầu tư vào công ty con

Tên công ty	Ngày 30 tháng 6 năm 2022		Ngày 31 tháng 12 năm 2021		Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh chính
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư (VND)		
Zion (i)	65,67	2.561.550.710.000	60,00	1.881.150.710.000	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ trung gian thanh toán
VinaData	99,94	187.100.000.000	99,94	187.100.000.000	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ về công nghệ thông tin
Vinanet	99,50	124.073.818.913	99,50	124.073.818.913	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ giá trị gia tăng trên di động và mạng viễn thông
VNGS	100,00	60.000.000.000	100,00	60.000.000.000	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất và phát triển phần mềm các loại
EPI	98,92	51.433.844.903	98,92	51.433.844.903	Hà Nội, Việt Nam	Dịch vụ quảng cáo trực tuyến, thiết kế trang mạng, phần mềm và các công nghệ truyền thông
Long Đình	100,00	20.000.000.000	100,00	20.000.000.000	Hà Nội, Việt Nam	Sản xuất và phân phối trò chơi trực tuyến
A4B (ii)	69,80	15.001.000.000	-	-	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Lập trình máy tính
ZPS	100,00	10.000.000.000	100,00	10.000.000.000	Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	Sản xuất và phân phối trò chơi trực tuyến

Công ty Cổ phần VNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.1 Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

Tên công ty	Ngày 30 tháng 6 năm 2022		Ngày 31 tháng 12 năm 2021		Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư (VND)		
VNG Online	100,00	1.000.000.000	100,00	1.000.000.000	Hà Nội, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ công thông tin và sản xuất phần mềm các loại
VNIF	100,00	-	100,00	-	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quỹ từ thiện
TỔNG CỘNG		3.030.159.373.816		2.334.758.373.816		
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(2.055.148.713.263)		(1.540.806.270.170)		
GIÁ TRỊ THUẬN		975.010.660.553		793.952.103.646		

(i) Vào ngày 5 tháng 5 năm 2022, Công ty đã hoàn tất việc góp thêm vốn vào Zion để tăng tỷ lệ sở hữu trong Zion từ 60% lên 65,67%.

(ii) Vào ngày 3 tháng 6 năm 2022, Công ty đã hoàn tất việc mua lại 69,8% tỷ lệ sở hữu trong A4B từ các cổ đông hiện hữu. Theo đó, A4B trở thành công ty con của Công ty kể từ ngày này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Tên công ty	Ngày 30 tháng 6 năm 2022		Ngày 31 tháng 12 năm 2021		Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh chính
	Tỷ lệ sở hữu %	Giá trị đầu tư VND	Tỷ lệ sở hữu %	Giá trị đầu tư VND		
Telio (i)	16,70	515.273.409.170	-	-	Singapore	Công ty đầu tư
Funding Asia (ii)	5,11	512.549.703.860	-	-	Singapore	Vận hành và quản lý nền tảng cho vay trực tuyến
DayOne	27,27	138.120.000.000	29,83	138.120.000.000	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Thương mại điện tử
Ecotruck (iii)	25,00	131.659.349.655	18,18	80.815.000.000	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất phần mềm và hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải
TỔNG CỘNG		<u>1.297.602.462.685</u>		<u>218.935.000.000</u>		
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(81.049.923.334)		-		
GIÁ TRỊ THUẬN		<u>1.216.552.539.351</u>		<u>218.935.000.000</u>		

- (i) Vào ngày 13 tháng 4 năm 2022, Công ty đã hoàn tất việc mua 20,33% tỷ lệ sở hữu trong Telio. Từ ngày 8 tháng 3 năm 2022 đến ngày 5 tháng 6 năm 2022, Telio đã hoàn tất phát hành thêm cổ phiếu. Theo đó, phần vốn chủ sở hữu của Công ty đối với Telio giảm còn 16,7%. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 16,7% tỷ lệ sở hữu trong Telio. Theo thỏa thuận cổ đông, Công ty có quyền chỉ định một (1) trên sáu (6) thành viên Hội đồng quản trị của Telio kèm các quyền khác, nên có ảnh hưởng đáng kể mặc dù có tỷ lệ sở hữu ít hơn 20%.
- (ii) Vào ngày 21 tháng 2 năm 2022, Công ty đã hoàn tất việc mua 5,12% tỷ lệ sở hữu trong Funding Asia từ các cổ đông hiện hữu. Vào ngày 5 tháng 5 năm 2022, Funding Asia đã hoàn tất phát hành thêm cổ phiếu. Theo đó, phần vốn chủ sở hữu của Công ty đối với Funding Asia giảm còn 5,11%. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 5,11% tỷ lệ sở hữu trong Funding Asia. Theo thỏa thuận cổ đông, Công ty có quyền chỉ định một (1) trên mười (10) thành viên Hội đồng quản trị của Funding Asia kèm các quyền khác, nên có ảnh hưởng đáng kể mặc dù có tỷ lệ sở hữu ít hơn 20%.
- (iii) Vào ngày 7 tháng 4 năm 2022, Công ty đã hoàn tất việc góp vốn thêm vào Ecotruck để tăng tỷ lệ sở hữu lên 25%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.3 Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn

Chi tiết các khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Số đầu kỳ	1.540.806.270.170	618.021.264.417
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	595.392.366.427	328.230.012.728
Số cuối kỳ	<u>2.136.198.636.597</u>	<u>946.251.277.145</u>

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Phải trả người bán	124.170.711.220	578.998.307.524
Proxima Beta Pte Limited	74.843.543.718	203.988.533.885
Seasun Games Corporation Limited	-	228.886.747.168
Phải trả người bán khác	49.327.167.502	146.123.026.471
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 28)	927.024.602.236	446.126.279.864
TỔNG CỘNG	<u>1.051.195.313.456</u>	<u>1.025.124.587.388</u>

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2022
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(15.537.426.412)	-	-	(15.537.426.412)
Thuế giá trị gia tăng	15.657.452.426	116.901.532.513	(118.233.488.466)	14.325.496.473
Thuế nhà thầu nước ngoài	19.754.164.289	121.251.086.491	(124.440.801.599)	16.564.449.181
Thuế thu nhập cá nhân	6.561.961.927	4.378.059.706	(3.581.105.269)	7.358.916.364
TỔNG CỘNG	<u>26.436.152.230</u>	<u>242.530.678.710</u>	<u>(246.255.395.334)</u>	<u>22.711.435.606</u>
Trong đó:				
Phải nộp	41.973.578.642			38.248.862.018
Phải thu	(15.537.426.412)			(15.537.426.412)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Phí bản quyền phần mềm	478.567.900.092	212.097.636.291
Chi phí quảng cáo	143.729.363.899	51.948.467.861
Chi phí lương	117.631.129.625	221.141.913.476
Phí dịch vụ thuê ngoài	63.213.269.661	6.591.427.066
Mua tài sản cố định	21.073.500.000	9.732.013.843
Chi phí cước đường truyền	8.798.585.554	6.184.582.520
Chi phí phải trả khác	13.380.367.485	18.855.516.790
TỔNG CỘNG	<u>846.394.116.316</u>	<u>526.551.557.847</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Chi phí phải trả bên khác</i>	816.425.379.602	504.777.139.261
<i>Chi phí phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 28)</i>	29.968.736.714	21.774.418.586

17. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn thể hiện tiền nhận trước từ khách hàng để thực hiện các dịch vụ quảng cáo.

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Ngắn hạn	53.441.361.088	75.063.501.591
Đặt cọc mua cổ phần	15.794.770.000	11.521.530.000
Thuế nhà thầu nước ngoài	12.558.761.264	54.990.988.817
Kinh phí công đoàn	7.506.585.388	5.325.828.194
Khác	17.581.244.436	3.225.154.580
Dài hạn – Nhận đặt cọc	<u>598.417.674</u>	<u>583.377.674</u>
TỔNG CỘNG	<u>54.039.778.762</u>	<u>75.646.879.265</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả cho bên khác</i>	53.673.820.762	75.280.921.265
<i>Phải trả khác cho bên liên quan (Thuyết minh số 28)</i>	365.958.000	365.958.000

19. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Dự phòng phải trả dài hạn thể hiện khoản trợ cấp thôi việc phải trả được trích lập theo Điều 48 của Bộ luật Lao động, như được đề cập trong *Thuyết minh số 3.10*.

Công ty Cổ phần VNG

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 Tình hình tăng, giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
					VND
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	353.022.930.000	1.125.647.020.771	(1.264.419.931.578)	3.344.247.602.449	3.558.497.621.642
Phát hành cổ phiếu	5.419.690.000	7.652.030.000	-	-	13.071.720.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	75.724.845.365	75.724.845.365
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	<u>358.442.620.000</u>	<u>1.133.299.050.771</u>	<u>(1.264.419.931.578)</u>	<u>3.419.972.447.814</u>	<u>3.647.294.187.007</u>
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	358.442.620.000	1.133.299.050.771	(1.264.419.931.578)	2.628.117.477.641	2.855.439.216.834
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	(504.432.490.937)	(504.432.490.937)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	<u>358.442.620.000</u>	<u>1.133.299.050.771</u>	<u>(1.264.419.931.578)</u>	<u>2.123.684.986.704</u>	<u>2.351.006.725.897</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

20.2 Cổ phiếu

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	35.844.262	35.844.262
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	35.844.262	35.844.262
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	28.736.000	28.736.000
Số lượng cổ phiếu quỹ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	7.108.262	7.108.262

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết không hạn chế.

21. DOANH THU

21.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Dịch vụ trò chơi trực tuyến	1.785.736.930.663	1.866.712.360.486
Dịch vụ quảng cáo trực tuyến	422.928.093.666	528.238.913.660
Dịch vụ cho thuê	31.519.545.450	22.104.999.996
Dịch vụ thông báo zalo	14.325.466.471	1.894.089.551
Dịch vụ nhạc chờ và bản quyền bài hát	14.308.757.206	15.164.871.572
Doanh thu khác	70.523.518.472	39.568.007.030
TỔNG CỘNG	2.339.342.311.928	2.473.683.242.295
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	<i>1.821.212.154.280</i>	<i>1.789.465.657.390</i>
<i>Doanh thu đối với bên liên quan</i>	<i>518.130.157.648</i>	<i>684.217.584.905</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. DOANH THU (tiếp theo)

21.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Cổ tức được chia	148.990.000.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	6.307.749.105	4.053.415.032
Lãi tiền gửi	5.319.943.620	17.347.423.196
Lãi từ thanh lý khoản đầu tư	-	235.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	20.168.900
	<u>160.617.692.725</u>	<u>21.656.007.128</u>

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Phí bản quyền phần mềm	611.704.383.864	630.615.238.767
Chi phí dịch vụ mua ngoài	361.885.926.209	373.742.492.683
Chi phí nhân viên	330.418.157.510	243.134.513.867
Chi phí khấu hao và hao mòn	32.866.741.797	48.911.904.749
Công cụ, dụng cụ	64.557.735	81.729.448
Chi phí khác	13.013.436.149	3.087.315.883
TỔNG CỘNG	<u>1.349.953.203.264</u>	<u>1.299.573.195.397</u>

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Dự phòng giảm giá trị khoản đầu tư dài hạn	595.392.366.427	328.230.012.728
Lỗ chênh lệch tỷ giá	3.310.720.060	285.302.840
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	318.962.879	-
Các khoản khác	1.602.755.193	-
TỔNG CỘNG	<u>600.624.804.559</u>	<u>328.515.315.568</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Chi phí bán hàng	594.910.157.172	439.566.527.354
Chi phí dịch vụ mua ngoài	456.529.822.557	334.646.274.975
Chi phí nhân viên	133.968.612.145	101.605.461.320
Chi phí khác	4.411.722.470	3.314.791.059
Chi phí quản lý doanh nghiệp	447.392.309.964	326.753.832.186
Chi phí nhân viên	188.170.193.367	150.404.134.509
Chi phí dịch vụ mua ngoài	175.070.552.745	99.175.928.499
Chi phí khấu hao và hao mòn	40.820.964.888	39.618.228.509
Công cụ, dụng cụ	33.476.977.619	30.153.305.113
Chi phí khác	9.853.621.345	7.402.235.556
TỔNG CỘNG	<u>1.042.302.467.136</u>	<u>766.320.359.540</u>

25. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Thu nhập khác	2.420.789.614	2.052.631.778
Lãi từ thanh lý công cụ, dụng cụ	1.520.799.997	-
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	502.104.658	405.628.924
Thu nhập khác	397.884.959	1.647.002.854
Chi phí khác	(4.235.759.221)	(7.141.940.538)
Chi phí xóa sổ tài sản	-	(6.471.111.050)
Chi phí khác	(4.235.759.221)	(670.829.488)
LỖ THUẦN KHÁC	<u>(1.814.969.607)</u>	<u>(5.089.308.760)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	993.486.301.511	807.564.696.157
Chi phí nhân viên	652.556.963.022	495.144.109.696
Phí bản quyền phần mềm	611.704.383.864	630.615.238.767
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 10,11)	73.687.706.685	88.530.133.258
Công cụ, dụng cụ	33.541.535.354	30.235.034.561
Chi phí khác	27.278.779.964	13.804.342.498
TỔNG CỘNG	<u>2.392.255.670.400</u>	<u>2.065.893.554.937</u>

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") của Công ty là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

27.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	11.661.184.793
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	9.697.051.024	8.455.040.000
TỔNG CỘNG	<u>9.697.051.024</u>	<u>20.116.224.793</u>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Tổng (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế	<u>(494.735.439.913)</u>	<u>95.841.070.158</u>
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	(98.947.087.983)	19.168.214.032
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Lỗ thuế chuyển sang các năm sau và các chênh lệch tạm thời chưa ghi nhận thuế hoãn lại	128.730.327.624	-
Chi phí không được khấu trừ	9.711.811.383	948.010.761
Cổ tức được chia	(29.798.000.000)	-
Chi phí thuế TNDN	<u>9.697.051.024</u>	<u>20.116.224.793</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

27.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên (lỗ thuế) thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại và kỳ trước. (Lỗ thuế) thu nhập chịu thuế của Công ty khác với (lỗ) lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì (lỗ thuế) thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

27.3 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong kỳ báo cáo và kỳ trước như sau:

	<i>Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>	<i>VND</i>	
			<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Chi phí phải trả	-	2.931.185.343	(2.931.185.343)	279.984.265
Dự phòng trợ cấp thời việc	-	1.960.713.102	(1.960.713.102)	164.839.843
Dự phòng tổn thất tài sản	-	4.249.050.761	(4.249.050.761)	(8.908.226.419)
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	274.968.246	(274.968.246)	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	276.836.851	(276.836.851)	19.966.779
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái từ đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	4.296.721	(4.296.721)	(11.604.468)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	9.697.051.024	(9.697.051.024)	(8.455.040.000)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại			(9.697.051.024)	(8.455.040.000)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

27.4 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản mục sau do chưa ước tính được chắc chắn thu nhập chịu thuế trong tương lai:

Chênh lệch tạm thời

	VND Ngày 30 tháng 6 năm 2022
Lỗi thuế chuyển sang năm sau	832.623.376.334
Các chênh lệch tạm thời, trong đó:	
Chi phí phải trả	44.935.927.095
Dự phòng trợ cấp thôi việc	10.633.661.342
Dự phòng tổn thất tài sản	5.304.478.146
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	2.827.717.634
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.230.593.361
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái từ đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	318.962.879
	897.874.716.791

TỔNG CỘNG

Lỗi chuyển sang từ năm trước

Công ty được phép chuyển các khoản lỗi tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗi đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Công ty có các khoản lỗi lũy kế với tổng giá trị là 832.623.376.334 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 254.223.078.671 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

					VND
Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗi đến năm	Lỗi tính thuế	Đã chuyển lỗi đến ngày 30 tháng 6 năm 2022	Chưa chuyển lỗi tại ngày 30 tháng 6 năm 2022	
2021 (*)	2026	254.223.078.671	-	254.223.078.671	
2022 (**)	2027	578.400.297.663	-	578.400.297.663	
TỔNG CỘNG		832.623.376.334	-	832.623.376.334	

(*) Lỗi tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

(**) Lỗi tính thuế ước tính của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022, chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản niêm yết thông thường trên thị trường.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty. Việc đánh giá này được thực hiện mỗi kỳ kế toán thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Danh sách các bên liên quan tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Zion	Công ty con
VinaData	Công ty con
Vinanet	Công ty con
VNGS	Công ty con
EPI	Công ty con
Long Đĩnh	Công ty con
A4B	Công ty con
ZPS	Công ty con
VNG Online	Công ty con
VNIF	Công ty con
MPT	Công ty con
VNG Data Center	Công ty con
VNG Singapore	Công ty con
VNG Myanmar	Công ty con
MLTHK	Công ty con
VNG Games	Công ty con
XFM	Công ty con
ZPI	Công ty con
Thanh Sơn	Công ty con
Adtima	Công ty con
Fiza	Công ty con
Cloudverse	Công ty con
Mixus	Công ty con
Day One	Công ty liên kết
Ecotruck	Công ty liên kết
Funding Asia	Công ty liên kết
Telio	Công ty liên kết
Công ty TNHH Ti Ki ("Tiki")	Công ty con của công ty liên kết
Tiki Global	Công ty liên kết
Beijing Youtu	Công ty liên kết
Rocketeer	Công ty liên kết
Tencent Technology (Shenzhen) Company Limited ("Tencent Shenzhen")	Bên liên quan của cổ đông lớn
Tencent Technology (Shanghai) Co. Ltd ("Tencent Shanghai")	Bên liên quan của cổ đông lớn
Tencent Mobile International Ltd.	Bên liên quan của cổ đông lớn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Danh sách các bên liên quan tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Ông Lê Hồng Minh	Chủ tịch HĐQT - Tổng Giám đốc
Ông Vương Quang Khải	Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc Thường trực
Ông Bryan Fredric Pelz	Thành viên HĐQT
Ông Vũ Việt Sơn	Thành viên HĐQT
Bà Jung Won Byun	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Lê Thành	Phó Tổng Giám đốc Công nghệ Thông tin
Ông Wong Kelly Yin Hon	Phó Tổng Giám đốc Khối Trò chơi Trực tuyến
Ông Tan Wei Ming	Phó Tổng Giám đốc Tài chính
Ông Mathur Abhishek	Phó Tổng Giám đốc Nhân sự
Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Phương Thùy	Thành viên Ban Kiểm soát
Bà Nguyễn Vũ Ngọc Hân	Thành viên Ban Kiểm soát

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những nghiệp vụ trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Zion	Công ty con	Góp vốn	680.400.000.000	411.480.000.000
		Doanh thu cho thuê	22.104.999.996	22.104.999.996
		Mua dịch vụ hỗ trợ thanh toán	15.610.967.344	20.347.467.897
		Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.500.268.961	8.294.944.974
		Doanh thu phân chia	-	3.791.630.091
Telio	Công ty liên kết	Góp vốn	515.273.409.170	-
Funding Asia	Công ty liên kết	Góp vốn	512.549.703.860	-
Thanh Sơn	Công ty con	Bán thẻ trò chơi trả trước	476.774.839.580	649.150.102.235
		Mua hàng hóa	219.931.529	225.266.064
Adtima	Công ty con	Doanh thu phân chia	359.388.216.968	-
		Cung cấp dịch vụ quảng cáo	114.350.000	-
VNGS	Công ty con	Cổ tức được chia	148.990.000.000	-
		Phí bản quyền phần mềm	98.088.708.259	97.199.072.081
		Dịch vụ cho thuê	9.414.545.454	-
MPT	Công ty con	Doanh thu phân chia	192.076.189.736	240.862.339.509
VinaData	Công ty con	Thuê chỗ đặt máy chủ và thuê cước đường truyền	162.627.396.206	151.392.628.545

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những nghiệp vụ trọng yếu của Công ty với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
ZPS	Công ty con	Doanh thu phân chia	76.764.625.846	99.024.096.962
EPI	Công ty con	Mua dịch vụ quảng cáo	56.039.467.887	83.006.952.312
VNG Online	Công ty con	Mua dịch vụ quảng cáo	53.968.865.693	57.690.414.874
Ecotruck	Công ty liên kết	Góp vốn	46.799.918.402	-
Fiza	Công ty con	Doanh thu phân chia	15.683.240.750	-
A4B	Công ty con	Góp vốn	15.001.000.000	-
Tencent Shenzhen	Bên liên quan của cổ đông lớn	Phí bản quyền phần mềm	14.008.054.136	14.295.068.113
Vinanet	Công ty con	Mua dịch vụ quảng cáo	6.519.695.000	19.907.843.317
Tencent Mobile International Ltd.	Bên liên quan của cổ đông lớn	Cung cấp dịch vụ quảng cáo	2.079.490.848	-
Tiki	Công ty con của công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ quảng cáo	1.248.289.009	4.667.537.700
Tencent Shanghai	Bên liên quan của cổ đông lớn	Phí bản quyền phần mềm	1.071.671.438	13.006.788.751
Long Đĩnh	Công ty con	Doanh thu phân chia	967.392.616	-
XFM	Công ty con	Mua dịch vụ quảng cáo	118.022.380	396.718.636
Day One	Công ty liên kết	Góp vốn	-	138.120.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6.1)				
Zion	Công ty con	Trích trước doanh thu	183.119.079.433	926.972.727
		Thu hộ	76.948.000	213.849.542.809
		Doanh thu cho thuê	4.052.583.333	-
Adtima	Công ty con	Doanh thu quảng cáo phân chia	86.675.130.329	43.290.288.357
Thanh Sơn	Công ty con	Bán thẻ trò chơi trả trước	11.529.000.000	70.079.850.000
Fiza	Công ty con	Doanh thu phân chia	11.337.495.675	470.352.520
Tencent Mobile International Ltd.	Bên liên quan của cổ đông lớn	Cung cấp dịch vụ quảng cáo	277.646.250	2.663.137.500
Tiki	Công ty con của công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ quảng cáo	117.420.000	1.577.235.000
VinaData	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	5.205.816	-
TỔNG CỘNG			297.190.508.836	332.857.378.913
Trả trước ngắn hạn cho người bán (Thuyết minh số 6.2)				
Adtima	Công ty con	Cung cấp dịch vụ quảng cáo	182.270.000	-
Zion	Công ty con	Mua dịch vụ	34.600.000	-
TỔNG CỘNG			216.870.000	-
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 7)				
VNG Singapore	Công ty con	Chi hộ	852.290.895	862.603.293
Zion	Công ty con	Chi hộ	245.035.420	1.013.046.361
EPI	Công ty con	Chi hộ	-	20.346.123.770
Các công ty khác	Công ty con	Chi hộ	439.870.935	494.240.926
TỔNG CỘNG			1.537.197.250	22.716.014.350

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 14)				
MPT	Công ty con	Thu hộ	259.271.720.432	106.282.862.096
VinaData	Công ty con	Chi phí cước đường truyền	185.821.837.574	81.258.173.978
ZPS	Công ty con	Thu hộ	166.255.534.686	98.115.362.532
VNGS	Công ty con	Phí bản quyền phần mềm	155.052.363.090	69.877.245.413
EPI	Công ty con	Sử dụng dịch vụ quảng cáo	69.452.261.029	21.933.365.655
VNG Online	Công ty con	Sử dụng dịch vụ quảng cáo	64.028.963.366	16.245.174.796
VNG Singapore	Công ty con	Thu hộ	21.204.390.144	21.697.041.797
Zion	Công ty con	Sử dụng dịch vụ hỗ trợ thanh toán	3.087.459.348	3.084.469.729
Tencent Shenzhen	Bên liên quan của cổ đông lớn	Phí bản quyền phần mềm	946.942.800	24.451.290.341
Tencent Shanghai	Bên liên quan của cổ đông lớn	Phí bản quyền phần mềm	689.291.113	1.485.623.805
Vinanet	Công ty con	Sử dụng dịch vụ	1.214.738	-
Các công ty khác	Công ty con	Sử dụng dịch vụ	1.212.623.916	1.695.669.722
TỔNG CỘNG			927.024.602.236	446.126.279.864
Chi phí phải trả ngắn hạn (Thuyết minh số 16)				
Tencent Shenzhen	Bên liên quan của cổ đông lớn	Phí bản quyền phần mềm	14.008.054.136	11.342.260.265
VNGS	Công ty con	Phí bản quyền phần mềm	9.742.589.625	9.197.030.063
VinaData	Công ty con	Chi phí cước đường truyền	3.149.458.355	450.400.000
Zion	Công ty con	Sử dụng dịch vụ hỗ trợ thanh toán	2.486.166.185	-
Tencent Shanghai	Bên liên quan của cổ đông lớn	Phí bản quyền phần mềm	306.427.406	784.728.258
Long Đình	Công ty con	Doanh thu phân chia	276.041.007	-
TỔNG CỘNG			29.968.736.714	21.774.418.586

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghịệp vụ	VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Phải trả dài hạn khác (Thuyết minh số 18)				
Thanh Sơn	Công ty con	Ký quỹ	252.720.000	252.720.000
EPI	Công ty con	Ký quỹ	113.238.000	113.238.000
TỔNG CỘNG			365.958.000	365.958.000

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc bao gồm lương và các chi phí liên quan như sau:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc	11.370.467.952	9.875.560.286
Các thành viên Hội đồng Quản trị	1.915.311.500	2.175.098.000
Các thành viên Ban Kiểm soát	90.000.000	90.000.000
TỔNG CỘNG	13.375.779.452	12.140.658.286

29. CÁC CAM KẾT

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Dưới 1 năm	42.523.447.788	28.436.665.171
Từ 1 đến 5 năm	52.149.731.058	35.989.013.012
TỔNG CỘNG	94.673.178.846	64.425.678.183

Các cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các cam kết liên quan đến việc thi công công trình, mua phí bản quyền trò chơi, mua sắm máy móc thiết bị và các cam kết khác được thể hiện như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Phí bản quyền trò chơi	25.271.180.000	28.281.994.000
Phí bản quyền tối thiểu	46.606.950.000	23.158.650.000
TỔNG CỘNG	71.878.130.000	51.440.644.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ CHI TRẢ BẰNG CỔ PHIẾU

Ban Tổng Giám đốc của Công ty đã quyết định không hạch toán nghiệp vụ chi trả bằng cổ phiếu trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho đến khi quyền mua được thực hiện mà chỉ trình bày các thông tin liên quan đến các nghiệp vụ này trong thuyết minh bên dưới do chưa có hướng dẫn cụ thể về cách hạch toán các nghiệp vụ chi trả bằng cổ phiếu theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành. Chi tiết các nghiệp vụ chi trả bằng cổ phiếu như sau:

Chương trình quyền chọn mua cho nhà cung cấp dịch vụ trò chơi trực tuyến

Công ty đã ký Hợp đồng Quyền chọn mua cổ phiếu phổ thông (“Hợp đồng Quyền chọn”) với một nhà cung cấp trò chơi trực tuyến vào ngày 1 tháng 8 năm 2010. Theo hợp đồng này, nhà cung cấp trò chơi trực tuyến được cấp số lượng quyền mua cổ phiếu phổ thông (“quyền mua”) tối đa là 1.859.251 cổ phiếu phổ thông của Công ty với mức giá đã được ấn định là 8,0678 USD/cổ phiếu.

Theo Hợp đồng Quyền chọn, nhà cung cấp trò chơi trực tuyến có thể thực hiện quyền mua (1.549.375 cổ phiếu phổ thông) với số lượng bằng nhau hàng quý bắt đầu từ ngày 1 tháng 8 năm 2010 đến ngày 31 tháng 7 năm 2016. Nếu Công ty hoàn thành việc phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng (“IPO”) trước ngày 31 tháng 7 năm 2016, tất cả quyền chọn mua 1.859.251 cổ phiếu thường của Công ty sẽ được thực hiện ngay lập tức trước khi IPO.

Theo Phụ lục C sửa đổi ngày 24 tháng 10 năm 2014 (“Phụ lục C”), quyền mua 1.032.917 cổ phiếu phổ thông đã được thỏa mãn với các điều kiện theo Hợp đồng Quyền chọn và nhà cung cấp trò chơi trực tuyến có toàn quyền thực hiện các quyền đó theo thời gian hoặc bất cứ lúc nào, với điều kiện là tất cả quyền chọn sẽ được thực hiện trước hoặc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020. Việc đăng ký quyền mua 516.458 cổ phiếu phổ thông theo Hợp đồng Quyền chọn và quyền chọn mua 309.876 cổ phiếu phổ thông còn lại (có nghĩa là 1.859.251 cổ phiếu phổ thông trừ đi 1.549.375 cổ phiếu phổ thông) sẽ không có hiệu lực kể từ ngày ký Phụ lục C, và không bên nào có quyền yêu cầu bên kia bồi thường cho việc không thực hiện quyền này.

Chương trình cổ phiếu cho nhân viên lần II (“ESOP II”)

Công ty có ESOP II (quyền mua cổ phiếu với giá 20.000 VND/cổ phiếu) với tổng số quyền mua cổ phiếu là 3.551.232 và được cấp từ tháng 7 năm 2012 đến hết năm 2018.

1. Kế hoạch thực hiện

Quyền mua đến hạn thực hiện hàng năm trong vòng 5 năm, tính từ ngày cấp đầu tiên. Các quyền mua được cấp sau ngày 28 tháng 5 năm 2015 được thực hiện trong vòng 3-4 năm kể từ ngày cấp đầu tiên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ CHI TRẢ BẰNG CỔ PHIẾU (tiếp theo)

Chương trình cổ phiếu cho nhân viên lần II (“ESOP II”) (tiếp theo)

2. Các điều khoản

- (i) Với mỗi 12 tháng kể từ ngày cấp quyền, nhân viên được phép thực hiện 20% tổng số quyền mua cổ phần được cấp (làm tròn xuống đến hàng đơn vị). Đối với quyền mua được cấp sau ngày 28 tháng 5 năm 2015, tỷ lệ này là 33,33% (hoặc 25% trong trường hợp đặc biệt). Nhân viên bắt đầu được thực hiện quyền mua cổ phần sau khi kết thúc 12 tháng kể từ ngày được cấp quyền mua.
- (ii) Quyền mua cổ phần được thực hiện mỗi năm hai đợt từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 1 và từ ngày 1 tháng 7 đến ngày 30 tháng 7 hàng năm. Quyền mua cổ phần đã phát sinh trong một năm chỉ được thực hiện trong đợt thực hiện quyền tương ứng của năm đó. Quá thời hạn trên, toàn bộ quyền mua cổ phần chưa được thực hiện sẽ bị hủy bỏ.

3. Điều kiện

- (i) Nhân viên chỉ được quyền thực thi quyền mua cổ phiếu với điều kiện là vẫn đang làm việc tại Công ty tại thời điểm thực thi quyền mua cổ phiếu; tại bất kỳ thời điểm nào mà nhân viên ngừng làm việc tại Công ty vì bất kỳ lý do gì, mọi quyền chọn mua chưa được thực hiện sẽ bị hủy bỏ.
- (ii) Chính sách này sẽ được thay đổi tùy từng thời điểm phụ thuộc vào quyết định của Công ty.

Biến động của số lượng quyền mua đã cấp và giá thực hiện trong kỳ được trình bày như sau:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	
	Giá (VND)	Số lượng quyền mua	Giá (VND)	Số lượng quyền mua
Số dư tại ngày 1 tháng 1	20.000	42.500	20.000	130.992
Thực hiện quyền mua trong kỳ	20.000	(42.500)	20.000	(85.392)
Số dư tại ngày 30 tháng 6		-		45.600

Chương trình cổ phiếu cho nhân viên lần III (“ESOP III”)

Công ty có ESOP III (quyền mua cổ phiếu với giá 30.000 VND/cổ phiếu) với tổng số quyền mua cổ phiếu là 2.921.832 và được cấp từ tháng 7 năm 2018 đến hết năm 2023.

1. Kế hoạch thực hiện

Quyền mua đến hạn thực hiện hàng năm trong vòng 3 hoặc 4 năm, tính từ ngày cấp đầu tiên.

2. Các điều khoản

- (i) Với mỗi 12 tháng kể từ ngày cấp quyền, nhân viên được phép thực hiện 33,33% (hoặc 25% trong trường hợp đặc biệt) tổng số quyền mua cổ phần được cấp (làm tròn xuống đến hàng đơn vị). Nhân viên bắt đầu được thực hiện quyền mua cổ phần sau khi kết thúc 12 tháng kể từ ngày được cấp quyền mua.
- (ii) Quyền mua cổ phần được thực hiện mỗi năm hai đợt từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 1 và từ ngày 1 tháng 7 đến ngày 30 tháng 7 hàng năm. Quyền mua cổ phần đã phát sinh trong một năm chỉ được thực hiện trong đợt thực hiện quyền tương ứng của năm đó. Quá thời hạn trên, toàn bộ quyền mua cổ phần chưa được thực hiện sẽ bị hủy bỏ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ CHI TRẢ BẰNG CỔ PHIẾU (tiếp theo)

Chương trình cổ phiếu cho nhân viên lần III (“ESOP III”) (tiếp theo)

3. Điều kiện

- (i) Nhân viên chỉ được quyền thực thi quyền mua cổ phiếu với điều kiện là vẫn đang làm việc tại Công ty tại thời điểm thực thi quyền mua cổ phiếu; tại bất kỳ thời điểm nào mà nhân viên ngừng làm việc tại Công ty vì bất kỳ lý do gì, mọi quyền chọn mua chưa được thực hiện sẽ bị hủy bỏ.
- (ii) Chính sách này sẽ được thay đổi tùy từng thời điểm phụ thuộc vào quyết định của Công ty.

Biến động của số lượng quyền mua đã cấp và giá thực hiện trong kỳ được trình bày như sau:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	
	Giá (VND)	Số lượng quyền mua	Giá (VND)	Số lượng quyền mua
Số dư tại ngày 1 tháng 1	30.000	704.887	30.000	868.563
Cấp trong kỳ	30.000	389.680	30.000	132.310
Mất quyền mua trong kỳ	30.000	(17.837)	30.000	(12.172)
Thực hiện quyền mua trong kỳ	30.000	(114.150)	30.000	(80.288)
Số dư tại ngày 30 tháng 6		<u>962.580</u>		<u>908.413</u>

31. CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Ngoại tệ:		
- USD	116.969	669.844
- CNY	9.472	29.472
- INR	330	330

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một vài số liệu tương ứng trên báo cáo tài chính riêng của năm trước đã được phân loại lại cho phù hợp với hình thức trình bày của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kỳ này.

33. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Công ty đã ký kết Hợp đồng Chuyển nhượng Cổ phần với các đối tác chiến lược, để mua 100% tỷ lệ sở hữu trong Công ty TNHH Verichains ("Verichains"). Giá chuyển nhượng và các điều khoản quan trọng được quy định cụ thể trong hợp đồng chuyển nhượng. Vào ngày 11 tháng 7 năm 2022, Công ty đã hoàn tất việc góp thêm vốn vào Verichains và giữ tỷ lệ sở hữu trong Verichains ở mức 100%.

Vào ngày 18 tháng 7 năm 2022, Công ty đã ký Thỏa thuận đăng ký với Transcend Fund II, LP để cam kết đầu tư vào Transcend Fund II, LP - công ty trách nhiệm hữu hạn được miễn trừ thuế tại Quần đảo Cayman, với số tiền là 3.000.000 USD.

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.

Hoàng Thị Huệ
Người lập

Lê Trung Tín
Kế toán trưởng



Lê Hồng Minh
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2022

